TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:64/2026/QĐST-HNGĐ	*Văn Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 167/2026/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1995

HKTT: thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

CCCD số 033195002249 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC và TTXH cấp ngày 17/8/2022.

Bị đơn: anh Lê Văn V, sinh năm 1991

HKTT: thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

CCCD số 033091002595 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC và TTXH cấp ngày 11/8/2022

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: cháu Lê Ngô Tuệ G, sinh ngày 10/5/2023. Cháu G là con của chị T, anh V. Người giám hộ cho cháu G là chị tiên và anh V.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Lê Văn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Lê Văn V thuận tình

Về con chung: chị T và anh V có 01 con chung là cháu Lê Ngô Tuệ G, sinh năm 10/5/2023. Chị T và anh V thỏa thuận giao cháu G cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu G, chị T và anh V tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản; về công nợ; công sức và đất ruộng: chị T và anh V cùng tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thủy T chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002851 ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị T đã nộp đủ tiền án phí. Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 4 – Hưng Yên.
- CQ Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Lạc Đạo;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thị Bích Thủy